

ĐẠI THÁNH DIỆU CÁT TƯỜNG BỒ TÁT
BÍ MẬT BÁT TỰ ĐÀ LA NI TU HÀNH MẠN TRÀ LA
THỨ ĐỆ NGHI QUỸ PHÁP
MỘT QUYỀN

(Trích trong Phẩm Trừ Tai Cứu Nạn Tức Chương của Kinh Văn Thù Bồ Tát Phổ Tập Hội)

Phạn Hán dịch: Nước Trung Thiên Trúc, chùa Đại Na Lan Đà, Giới Hạnh Sa Môn **Bồ Đề Lạt-Sử** (Bodhi-rṣī) **Tĩnh Trí Kim Cương** dịch_ Vị Tăng thân cận cầm bút ghi chép là **Nghĩa Vân** truyền lưu (tên của vị Tam Tạng theo đất Hán này thì gọi là **Bồ Đề Tiên**)

Sưu tập Thủ Ấn, dịch âm Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo **Kim Cương Mật Tích Chủ** rằng: “**Bát Tự Tối Thắng Đại Uy Đức Tâm Chân Ngôn** đó trụ ở chỗ nào thì như Đức Phật trụ ở đời, không có khác vậy. Hay hiện mọi loại Thần Lực chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, cũng hay làm đại vô lượng Thần Thông biến hoá. Nay Ta lược khen chút phần Công Đức của **Đà La Ni** (Dhāraṇī) này. Nếu Ta nói đủ thì vô lượng câu chi na dữu đa trăm ngàn Đại Kiếp cũng chẳng thể nói hết được”

Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói **Bát Tự Đại Uy Đức Tâm Chân Ngôn** là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Án, a vị la hồng, khư tả lạc**”

OM AH VĪRA HŪM KHACARAḤ

Lại bảo Kim Cương Mật Tích Chủ rằng: “Đà La Ni này, nếu có người nam người nữ chẳng thể bày biện, làm Pháp **Thừa Sự Cúng Dường**, lại duyên Tại Gia thúc dục làm mọi loại nghiệp sinh sống, chỉ có thể nhớ nghĩ chẳng quên, y theo Thời niệm tụng, tùy phần chẳng thiếu, cúng dường chút phần, tùy theo sức của mình bày biện cũng được thành tựu. Trừ kẻ chẳng chí tâm, Tâm chẳng có niềm tin chân chính, chẳng phát Tâm **Đại Thừa Bồ Đề**, hưng hành chê bai nơi chỗ của Tam Bảo, khởi nhóm chẳng lành, hành các nghiệp ác. Tâm của nhóm này thì tất cả **Pháp nhỏ** còn chẳng được thành tựu, huống chi là có thể thành tựu **Pháp lớn** được!...”

Bấy giờ Đức Như Lai lại bảo Kim Cương Mật Tích Chủ rằng: “Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện hay niệm tụng Đà La Ni này một biến, liền được tự hộ giúp.

Nếu tụng hai biến, liền hay hộ giúp Đồng Bạn

Nếu tụng ba biến, liền hộ giúp rộng lớn cho nơi cư trú. Bồ Tát **Thập Địa** (Daśa-bhūmi) chẳng thể vượt hơn, huống chi là các chúng sinh loại nhỏ.

Nếu tụng bốn biến, liền được ủng hộ cho vợ con

Nếu tụng năm biến, liền hay ủng hộ cho tất cả quyến thuộc

Nếu tụng sáu biến, liền hay ủng hộ cho tất cả thành, ấp, thôn, phường, làng xóm...

Nếu tụng bảy biến liền hay ủng hộ cho tất cả chúng sinh, các nhóm khổ nạn...

Nếu lúc muốn mặc áo, thời nên gia trì bảy biến, hay trừ tất cả ác độc với các tai nạn.

_ Nếu lúc muốn rửa tay mặt thời gia trì vào nước sạch bảy biến, rồi rửa tay mặt... hay khiến cho chúng sinh quý ngưỡng, hết thấy các loài gây ác nhìn thấy đều sẽ hàng phục, tất cả các người đều tuân phục kính trọng, trừ tâm ác ấy, sinh Tâm vui vẻ.

_ Nếu người bị bệnh: thân thể, chi tiết đau buốt. Gia trì vào nước nóng ấm 108 biến rồi tắm rửa, tức được mộng tốt, liền trừ khỏi bệnh.

_ Nếu mỗi ngày vào lúc sáng sớm, lấy một bùm nước, gia trì bảy biến rồi uống vào trong thân thì hết thấy ác báo đều sẽ tiêu diệt, huống chi là kẻ không có tai ách với tội dơ của ba nghiệp cũng được tiêu sạch, thọ mệnh lâu dài.

_ Nếu gia trì vào thức ăn uống bảy biến thì ăn nhằm chất độc, cũng chẳng thể gây hại

_ Nếu nhìn thấy người ác, oan gia. Nên tu **niệm tụng** liền tự hàng phục, trừ nhiếp Tâm giận dữ, hướng Tâm hiền lành đến với nhau

_ Nếu có nơi chốn đáng sợ, chí thành niệm tụng, liền được không sợ hãi

_ Nếu lúc nằm thời tụng 108 biến, liền được mộng tốt, hay biết việc thiện ác

_ Nếu người bị bệnh sốt rét. Người trì tụng quán khuôn mặt của người bệnh ấy, tụng Chân Ngôn này 1008 biến, tức trừ khỏi bệnh sốt rét.

_ Nếu lúc vào trận thời nên dùng Ngưu Hoàng viết Chân Ngôn này, đeo ở trên thân thì tất cả đao, gậy, cung tên, mâu, búa chẳng thể gây thương tích làm hại.

_ Nếu lúc vào trận thời, nên vẽ tượng **Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử** với **Chân Ngôn** để trên voi, ngựa dẫn đầu trước đoàn quân thì các nhóm quân giặc chẳng thể gây hại, tự nhiên lui tan.

_ Thường tu **niệm tụng** thì hết thấy tội của nhóm: năm nghịch, bốn nặng, mười ác đều được tiêu diệt, sẽ được nhìn thấy Văn Thù Sư Lợi. Đi đứng ngồi nằm thường tu thọ trì, niệm tụng, nhớ giữ chẳng quên, mỗi lần tụng 108 biến đừng cho đoạn tuyệt... thường được tất cả chúng sinh hàng phục.

_ Nếu gia trì vào búi tóc bảy biến, thì tất cả chúng sinh nhìn thấy đều sẽ hàng phục, người ác lui tan.

_ Nếu hay mỗi ngày ba Thời, y theo Pháp vào Đạo Trường, một Thời riêng 108 biến thì sự mong cầu đều được vừa ý, viên mãn đầy đủ, được đại phú quý, chỗ hành tự tại, lúc lân chung thời được **Phổ Môn Tam Muội** với nhìn thấy Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát”

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo Đại Chúng: “Các hàng Bồ Tát! Nay Ta sẽ nói thứ tự Đàn Pháp của **Tối Thắng Đại Uy Đức Bát Tự Mạn Trà La**. Ông nên lắng nghe!

_ Nếu muốn dựng lập **Tứ Tai Mạn Trà La**. Trước tiên nên chọn lựa đất ấy, nên tu ở chốn Già Lam thanh tịnh, hoặc ở đất thắng thượng cát tường trong núi sâu, hoặc đất ở thành, ấp, thôn xóm thắng thượng có Phước Đức, cây chớ nhựa sinh nhiều hoa quả

Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, kẻ trai lành, người nữ thiện có hạnh thâm sâu, phát Tâm **Bi Nguyện** tạo Mạn Trà La rồi tác **Bát Tự Chân Ngôn niệm tụng**, thề ở chỗ bị nạn cấp bách để cứu giúp hữu tình

Người muốn thọ trì Chân Ngôn này, trước tiên nên dò xét, tìm kiếm Đại A Xà Lê có đầy đủ Đức, hiểu biết Đạo Hạnh chân thật để thọ nhận **Quán Đỉnh** (Abhiṣeka). Được Quán Đỉnh xong, cung bạch, cầu thỉnh trao truyền Pháp này, Thân nương vào sự truyền thụ mới có thể tu niệm.

_ Nếu gặp việc cấp bách đáng sợ, thì nên ở chỗ trên đường, dùng hương xoa bôi, xoa làm Mạn Trà La, chỉ viết Chân Ngôn với chữ Chủng Tử, dùng quán tưởng hình sắc của Bản Tôn, tương ứng cho làm Trì Niệm ủng hộ.

_ Nếu việc chậm chạp, thì cần yếu tô vẽ. Liền dùng keo nấu bằng da thú, thuần dùng nước cốt thơm điều hoà màu sắc rực rỡ vẽ.

_ Nếu làm việc Niệm Tụng lâu dài, liền nên như Pháp: đào đất, lấy riêng đất mịn ẩm ướt màu trắng có vị ngọt, nhạt bèn tốt bên bờ sông, hơi có màu đỏ vàng. Được đất rồi, dùng nước thơm hoà làm cái Đàn ấy. Y theo **Giáo** thứ tự gia trì làm.

Người thợ khéo léo ấy nên ngày ngày tắm gội trong sạch, mặc áo sạch mới, thọ nhận **Bát Quan Trai Giới** (Aṣṭāṅga-samanvāgatopavāsa) xong, mới được khởi công làm. Ngoài ra y theo Pháp trong **Tất Địa**, chẳng thể nói đủ.

Mạn Trà La Pháp ấy, trước tiên ngang trái tim làm một vành tròn trịa (viên luân) giống như trăng tròn.

Ngay chính giữa viết chữ **Mãn** (𑖓_MAM) của Phạm Thư. Tiếp theo thứ tự sau: mặt Bắc viết chữ **Án** (𑖠_OM). Tiếp xoay theo bên phải, góc Đông Bắc viết chữ **Ha** (𑖡_AH). Tiếp phương Đông, viết chữ **Vị** (𑖛_VI). Tiếp góc Đông Nam, viết chữ **La** (𑖞_RA). Tiếp phương Nam, viết chữ **Hông** (𑖡_HUM). Tiếp góc Tây Nam, viết chữ **Khư** (𑖛_KHA). Tiếp phương Tây, viết chữ **Tả** (𑖛_CA). Tiếp góc Tây Bắc, viết chữ **Lạc** (𑖛_RĀH)

Dùng chín chữ này làm **Tôn** (Nātha) trong **Nội Viện**.

_ Hoặc ở trong Viện, vẽ Diệu Cát Tường Đồng Tử với đỉnh đầu có tám búi tóc. Phía trước có năm búi tóc, một búi tóc trên đỉnh đầu, hai búi tóc phía sau đỉnh. Trên mỗi một búi tóc đều có thân Phật (đây gọi là **pháp vẽ tượng**)

_ Nếu cầu Phước Khánh, Lộc Vị, việc cát tường thì ngay chính giữa, viết chữ **Thất Lợi** (𑖛-ŚRĪ)

_ Nếu cầu **Tức Tai**, trừ nạn, diệt hết bảy loại tai nạn là:

Mặt trời mặt trăng bị ăn mòn

Năm vì sao mất Độ thường ngày

Binh giặc tranh nhau dấy lên

Nước dâng, hạn hán chẳng đúng thời

Mưa gió mất độ

Bè tôi ác làm phản gây tổn hại cho quốc dân

Sói có uy lực, thú ác... ăn nuốt chúng sinh

Ngũ cốc chẳng sung túc

Tai họa như vậy, nạn cấp bách, quan phủ, ách nạn gây chết chóc, việc đáng sợ... muốn khiến cho thiên tan thì ngay chính giữa, viết chữ **Mãn** (𑖓_MAM)

_ Nếu cầu giáng phục người oán, khiến cho đối đãi tốt đẹp, buông bỏ Tâm ác thì ngay chính giữa, viết chữ **Đạm** (𑖛-DHAM)

_ Nếu có người ác khó giáng phục, kẻ giết loài vật để buôn bán, người săn bắn, Ngoại Đạo chẳng tin Phật Pháp. Khiến cho Tâm ác tội diệt, hoặc khiến phá hoại thì ngay chính giữa nên viết chữ **Sát-trí-lợi** (𑖛-ŚTRĪ) của Phạm Văn

Nói xong **Tự Môn** của Nội Viện.

_ Tiếp theo nói **Viện thứ hai**: An bày Văn Thù, Pháp an bày vị trí.

Trước mặt **Tôn**, mặt Nam vẽ **Thỉnh Triệu Đồng Tử** (Akarsāya, hay Akarṣaṇī)

Tiếp góc Tây Nam, vẽ **Kế Thiết Ni Đồng Tử** (Keśinī)

Tiếp phương Tây, phía bên phải, vẽ **Cứu Hộ Tuệ Đồng Tử** (Paritrāṇāsāya-mati)

Tiếp góc Tây Bắc, vẽ **Ô Ba Kế Thiết Ni Đồng Tử** (Upakeśinī)

Tiếp mặt phía sau, phương Bắc, vẽ **Quang Vông Đồng Tử** (Jālīni-prabha)

Tiếp góc Đông Bắc, vẽ **Địa Tuệ Tràng Đồng Tử** (Vasu-mati-ketu):

Tiếp phương Đông, phía bên trái, vẽ **Vô Cấu Quang Đồng Tử** (Vimala-prabha)

Tiếp góc Đông Nam, vẽ **Bất Tư Nghị Tuệ Đồng Tử** (Acintya-mati)

Như vậy, ở tám phương của Diêu Cát Tường Đồng Chân Bồ Tát đều hướng mặt về Tôn chính giữa như thế **phụng Giáo**, đều ngồi trên hoa sen, mỗi một vị đều cỡi Sư Tử, hai tay đều cầm **Tiêu Xí Ấn Khế**. Nên vẽ như Pháp

_ Lại ở trong bốn góc ở bên ngoài **Viên Luân** (vành tròn trịa) vẽ bốn vị **Phần Nộ Minh Vương** (Krodha-vidya-rāja)

Góc Đông Nam, vẽ **Giáng Tam Thế Kim Cương** (Trailokya-vijaya-vajra) màu xanh có tám cánh tay. Hai tay ngang phía trước kết Ấn: Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng móc ngược nhau, còn lại nắm quyền, dựng Tiên Lực (2 ngón trỏ). Tay trái cầm cây cung, tai phải cầm thân mũi tên. Bên trái: một tay cầm cái chày, một tay cầm sợi dây. Bên phải: một tay cầm cây Kích, một tay cầm cây Bông. Ba mặt, góc miệng hiện răng nanh, ngồi trong lửa nóng rực.

Góc Tây Bắc, **Vô Năng Thắng Minh Vương** (Aparājita-vidya-rāja) có bốn cánh tay, màu xanh, ba mặt, tóc lửa dựng đứng đáng sợ. Bên phải: một tay nắm quyền dựng ngón trỏ, một tay cầm cây Tam Cô Kích. Bên trái: một tay tác **Thí Nguyện**, một tay cầm cây Bông, ngồi yên trên hoa sen.

Góc Tây Nam, **Diêm Mạn Đức Ca Kim Cương** (Yamāntaka-vajra) màu xanh đen, 6 cái đầu, 6 cánh tay, 6 chân... đều cầm khí trượng. Bên trái: tay bên trên cầm cây kích, tiếp theo tay bên dưới cầm cây cung, tiếp theo tay bên dưới cầm sợi dây. Bên phải: tay bên trên cầm cây kiếm, tiếp theo tay bên dưới cầm mũi tên, tiếp theo tay bên dưới cầm cây gậy. Cỡi con trâu xanh làm toà ngồi

Góc Đông Bắc vẽ **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva-vidya-rāja) có ba mặt, 6 cánh tay (?8 cánh tay) đều cầm khí trượng. Bên trái: tay bên trên cầm hoa sen, một tay cầm cái bình, một tay cầm cây gậy. Hai tay ngang trái tim kết Ấn Khế. Bên phải: tay bên trên cầm cây búa, một tay cầm tràng hạt, một tay cầm **Sách Luân Vương**, ngồi ngay trong hoa sen, tướng đại phần nộ, hiện thể cực ác mãnh lợi. Còn lại đều y theo Bản Pháp.

Tiếp theo nói **Viện Thứ Ba**, 16 vị Đại Thiên hộ bên ngoài

.) Ngay trước mặt Tôn là **Câu Bồ Tát** (tay trái nắm quyền, tay phải cầm móc câu)[Amkuśa-bodhisatva]

Tiếp theo, phía Tây là **Diệm Ma Hậu** (Yamī)

Tiếp theo, phía Tây là **La Sát Chủ** (Nīrtih, hay Rākṣasa-rāja)

Ngay góc là **Thiên Hương Cúng Dường Bồ Tát** (Dhūpa-pūja-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Bắc là **La Sát Hậu** (Rākṣasī)

Tiếp theo, phía Bắc là **Thuỷ Thiên** (Varuṇa)

.) Cửa Tây là **Sách Bồ Tát** (Pāśa-bodhisatva)

Tiếp theo phía Bắc là **Long Thiên Hậu** (Nāgī)

Tiếp theo, phía Bắc là **Phong Thiên Vương** (Vāyu)

Góc Tây Bắc là **Hoa Cúng Dường Bồ Tát** (Puṣpa-pūja-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Đông là **Phong Thiên Hậu** (Vāyavī)

Tiếp theo, phía Đông là **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa)

.) Phía sau Tôn, phương Bắc là **Kim Cương Toả Bồ Tát** (Vajra-sphoṭa-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Đông là **Tỳ Sa Môn Hậu** (Vaiśravaṇī)

Tiếp theo, phía Đông là **Y Xá Na Thiên Vương** (Īsāna)
Góc Đông Bắc là **Đăng Cúng Đường Bồ Tát** (Āloka-pūja-bodhisatva)
Tiếp theo, phía Nam là **Y Xá Na Hậu** (Īsanī)
Tiếp theo, phía Nam là **Đế Thích Thiên Vương** (Indra)
) Phương bên trái, cửa Đông là **Kim Cương Linh Bồ Tát** (Vajra-ghaṃṭa-bodhisatva)

Tiếp theo, phía Nam là **Đế Thích Hậu** (Aindrī)
Tiếp theo, phía Nam là **Hoả Thiên Thần** (Agni)
Góc Đông Nam là **Đồ Hương Cúng Đường Bồ Tát** (Gandha-pūja-bodhisatva)
Tiếp theo, phía Tây là **Hoả Thiên Hậu** (Agnayī)
Tiếp theo, phía Tây là **Diêm Ma Thiên** (Yama)
Phần bên trên là **viện thứ ba**, an bày các Tôn xong
_ Bốn cửa với **Thực Đạo** (lời nẻo bày thức ăn uống), bốn góc đồng với các Đàn Pháp, Tính báu, cỏ cũng giống nhau. Lá hoa sen ở bốn cửa tinh tế như hoa sen xanh.

_ Lại nói **Tốc Tật Cứu Nạn Lập Thành Đàn Pháp**. Chỉ ở chôn cao nguyên, không người với không có uest ác. Hoặc nơi trống vắng (khoáng dã), hoặc đất lộ thiên trong chôn Già Lam...liền tạo dựng.

Có Pháp Thần Nghiệm, khử bỏ đất uest ác bên trên, lấy riêng đất sạch xây dựng chắc thật khiến như đá, khiến cho bằng phẳng. Dùng Bạch Đàn xoa làm hương xoa bôi như bột. Liền lấy Long Nảo trắng tinh, Huân Lục Hương...ngâm nhúng, lấy nước cốt như sữa. Như hương xoa bôi (đồ hương) xoa mài mặt đất, nhỏ là một khuỷu tay, tiếp theo là hai khuỷu tay, ba khuỷu tay, bốn khuỷu tay...tròn như vành trăng, chia làm bốn lớp. Chử chung tử ở chính giữa, giáp vòng là Chân Ngôn tám chữ

Trong viện thứ hai, an bày tám vị **Đồng Tử** của Văn Thù

Viện thứ ba, an bày **bốn Nhiếp** (Câu, Sách, Toả, Linh) ở bốn cửa, bốn vị **Đại Phẫn Nộ Minh Vương** ở bốn góc

Viện thứ tư, bốn cửa để nước thơm, bơ, đèn, hoa trắng, sữa, cháo, lạc, cơm...cúng dường

Nếu chẳng thể bày biện, chỉ đến viện thứ hai, liền bày tám vị Thánh là bốn Nhiếp, bốn vị Minh Vương

_ Nếu duyên với quốc gia, đế vương, thân hữu bị ách nạn thì cần yếu làm **Hộ Đạo Trường**. Đàn ấy nên rộng 16 khuỷu tay, hoặc lớn đến 24 khuỷu tay.

_ Nếu duyên với năm vì sao bị mất độ, mặt trời mặt trăng liền tiếp bị ăn, **Tuệ Bột** (sao Tuệ với sao Bột) luôn luôn hiện, nước ở phương khác đến xâm chiếm cướp đoạt, Đại Thần phản nghịch, dùng binh chẳng lợi, tổn hại người trong nước, bệnh dịch lưu hành...đều làm **Đại Đàn** (Mahā-maṇḍala).

Bên trong Đàn, viện thứ hai xếp bày 12 Đại Thiên như Pháp **Xí Thịnh Quang**. Tiếp theo, viện thứ tư bày 28 Tú. Viện thứ năm bày 12 Cung Thần, bên ngoài bày bốn vị Minh Vương. Còn lại đồng với các Pháp

_ Lại nếu có Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, người nam, người nữ...hoặc quan, hoặc dân...thân gặp nguy ách, việc quan, khốn khổ vì vua chúa, khốn khổ vì bệnh, tất cả sự đáng sợ mà không có phương kế, sợ có tai nạn về đao gậy, hình ngục...thì cần phải phát Tâm Đại Bi, làm cho mọi vì sao ban đêm hạ xuống mà làm niệm tụng này. Hoặc 3 người, hoặc 5 người hoặc 7 người. Nếu muốn giáng lâm thời ngay ban đêm hướng mặt về phương Bắc, vì người kia xưng tên phát Nguyên niệm tụng. Mời người một vạn biến liền được tiêu diệt. Nếu phỏng theo làm Trì Niệm thì nên đủ tám phương tiện mới có thể làm niệm tụng.

Liên nói **Tụng** là:
Tắm gội, mặc áo sạch
Xoa hương, nghiêm thân thể
Quy mệnh, niệm Chân Ngôn
Chí thành cung kính lễ
Đốt hương, **sám các tội**
Tuỳ Hỷ với **Khuyến Thịnh**
Hồi Hương, phát Thệ **Nguyện**
Khởi sâu **Đại Từ Bi**
Như tám phương tiện này
Siêng hành đừng dòi quên
Sau đó tịnh ba Nghiệp
Y Pháp làm Trì Niệm

ĐẠI THÁNH DIỆU CÁT TƯỜNG BỒ TÁT
TỐI THẮNG UY ĐỨC BÍ MẬT BÁT TỰ ĐÀ LA NI
TU HÀNH NIỆM TỤNG NGHI QUỸ THỨ ĐỆ PHÁP

Nay Ta y theo Pháp Môn thứ tự của Chân Ngôn, nói
Hành Nhân trước tiên nên theo vị A Xà Lê, được nhận Quán Đỉnh với gân gửi
truyền thụ xong và lại vào **Trì Minh Tất Địa Quán Đỉnh**, đầy đủ Từ Bi, hành **Vô**
Duyên Từ, thương sót tất cả hữu tình bị khổ ách, tác Niệm Tụng này, thề sẽ cứu giúp
nhỏ bứt tất cả chúng sinh bị ách nạn đáng sợ.

Nếu chúng sinh, hoặc lúc bị nạn cấp bách thời tùy theo chốn ấy, hoặc dùng hương
xoa bôi, hoặc vè nắn phân làm Đàn.

Nếu người thường niệm, cần chỉnh sửa Tinh Thất, như Pháp xây dựng Đạo
Trường, mỗi mỗi như Pháp lúc trước. Hành Nhân trước tiên hưng khởi tám loại Tâm
thì mới có thể trì Pháp.

Thứ nhất là Tâm Từ Bi, hai là không có Tâm ghen ghét, ba là không có Tâm **Ngã**
Sở (Mama-kāra: cái của ta), bốn là không có Tâm hơn thua, năm là có Tâm bình đẳng,
sáu là không có Tâm oán hại, bảy là không có Tâm tham lợi. Người như vậy mới có
thể truyền thụ. Nhóm như vậy có thể đồng làm Pháp.

Nếu chẳng phải là điều này, chỉ nên tự làm khiến Pháp được thành.

Nếu biến số chưa kết thúc thì chẳng được giao tiếp nói chuyện với người, khiến
cho bị gián đoạn, tức Pháp mất hiệu nghiệm. Lúc chưa làm Pháp thời trước tiên nên
thông báo rõ ràng. Nếu tự làm Niệm Tụng cũng đừng để gián đoạn.

Hành Giả nếu lúc vào Đạo Trường thời tiếp theo nên chân thành làm lễ. Tức
Kim Cương Hợp Chưởng



Chí Tâm tưởng ở trước mặt chư Phật với Văn Thù Đại Thánh, vô lượng Bồ Tát,
Kim Cương Mật Tích, tất cả Hiền Thánh ở khắp mười phương, mỗi mỗi tự thân làm lễ
chúng Thánh, lễ khắp tất cả Phật, Bồ Tát, Kim Cương....

Chân Ngôn là:

ॐ स र्वा तथ गता काया वाक्चिता
वाज्रा प्रवा वि ता मज्जु श्री दार्दना कारा उमी

Án (1) tát phộc đát ðà nghiệť ða (2) ca gia, phộc hột-túc ða (3) phộc chiếť-la, bát-la mai (4) mạn tổ thấť-lợi, phộc lậť-na nam (5) ca lổ nhĩ (6)

OM_ SARVA TATHAGĀTA KĀYA (?KĀYA) VĀKCITA (?VĀK-CITTA)
VAJRA PRAVAI (?PRAṆANĀM) MAJĴSŪRĪ DARDANA (?VANDANĀM)
KARA-UMI

_ Lại Tâm Minh là:

ॐ व ज्ञे त

Án, phộc nhật-la vi ta

OM_ VAJRA VIḤ TA (?OM_ VAJRA VIḤ)

Trước hợp Kim Cương Chương
Mười ngón giao bên ngoài
Năm Luân ðều sát ðất
Chí thành cung kính lễ



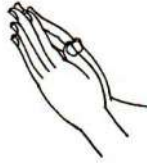
_ Lại quỳ thẳng lưng ngòì
Chấp tay tựa sen búp



Quán thân như Thủy Tinh
Chữ **Hồng** (ॐ_ HŪM) gia ba chỗ
Tưởng thành chày Ngũ Trí
Ấy là Nội Kim Cương
Mà làm Thê chẳng hoại
Xong chân thành phụng thỉnh
Tát cả các Thánh Tôn
Tụng Kệ bốn câu này.

*“Cúi lạy Vô Thượng Pháp Y Vương
Nan Cứu Năng Cứu Từ Bi Chủ
Nay con quy mệnh, cung kính thỉnh
Nguyện xin mau giáng ðến Đạo Trường”*
Như vậy thỉnh ba lần

_ Trước tiên nói khải bạch
Hai tay, Liên Hoa Hợp



Lại tụng Tịnh Tam Nghiệp

Khiến thân khí trong sạch

Dùng gia trì năm nơi

Trán, hai vai, tim, họng

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ह्रीं ह्रूं ह्रौं ह्रः ह्रः ह्रः ह्रः ह्रः ह्रः ह्रः ह्रः ह्रः ह्रः ह्रः

Án, sa-phộc bà phộc, thú đà, tát phộc đạt ma sa-phộc bà phộc, thú độ hàm

OM_ SVABHĀVA ŚUDDHĀ _ SARVA DHARMMA (?DHARMA)

SVABHAVA (?SVABHĀVA) ŚUDDHĀ-UHAM

Đã tịnh ba Nghiệp xong

_ Kết Phật Tam Muội Gia

Định Tuệ (2 tay) hợp Liên Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng)

Dụng hợp hai Hoả (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)

Hai Phong (2 ngón trỏ) co lỏng trên

Hai Không (2 ngón cái) vịn gốc Phong (ngón trỏ)



Nâng Án ngang trước trán

Quán kỹ tất cả Phật

Mỗi mỗi thấy rõ ràng

Trụ ngay trong hư không

Niệm Chân Ngôn ấy là:

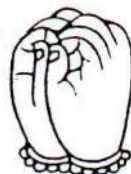
[? ॐ तथगतवृद्धयस्वहा]

OM_ TATHĀGATA UDBHAVĀYA SVĀHĀ]

_ Phật Bộ Tam Muội Gia

Hai tay *Nội Hợp Quyển*

Hai Không (2 ngón cái) đều kèm dụng



Quán kỹ tất cả Phật

Giống như đối trước mắt

Tùy niệm, triệu thỉnh Tôn

Nâng hai lần, kèm triệu

Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Án (1) **nhĩ năng khu ca, sa-phộc hạ**

OM _ JINA JIK _ SVĀHĀ

_ Lại kết **Liên Hoa Bộ**

Bí Mật Tam Muội Gia

Án tướng cũng như trước

Tả (ngón cái trái) vào, Hữu (ngón cái phải) duỗi ra



Ba tụng, ba *triệu thỉnh*

An bên phải rồi bung

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Án, a **lô lực ca, sa-phộc hạ**

OM _ ĀRULIK (? AROLIK) _ SVĀHĀ

_ Lại kết **Kim Cương Bộ**

Vi Diệu Tam Muội Khế

Khế trước, sửa Không Luân (ngón cái)

Hữu (ngón cái phải) vào, dựng Tả (ngón cái trái), vờ



Chuyên Tâm giữ niệm Tôn

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Án, **phộc nhật-la, địa-lực ca, sa-phộc hạ**

OM _ VAJRA-DHRĀK _ SVĀHĀ

Phật Bộ Án ở trán

Liên Hoa bên tai phải

Kim Cương bên tai trái

Đông bung ở trên đỉnh

_ Tiếp lại, **Bị Giáp Khế**

Đàn Tuệ (2 ngón út) với Giới Phương (2 ngón vô danh)

Cài chéo nhau trong chưởng (lòng bàn tay)

Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) cùng hợp đầu

Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như câu (móc câu)

Phụ ngoài sau hai Hoả (2 ngón giữa)

Kèm Thiên Trí (2 ngón cái) dựng thẳng

Giống như **Phộc Chiết La** (Vajra:chày Kim Cương)

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ स रार व व व व व व व व व व

Án, tát la tát la, phộc nhật-la, bát-la ca la, hồng, phát tra
OM_ SARA SARA VAJRA-PRAKARĀ HŪM PHAT

_ Tiếp đến **Hư Không Tạng**

Mười ngón giao bên ngoài

Tiền Lục (2 ngón trỏ) ép như bấu



Tưởng thành lâu gác đẹp

Trên có hoa sen lớn

Tâm quán kỹ Bản Tôn

Trụ ở trong Trưởng bấu

Phướng, phan, lọng giáp vòng

Biển mây hương, Thiên Y

Trần khắp cả hư không

Quyển thuộc vây chung quanh

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ ङ ङ ङ ङ स स व व व व व

Án, nga nga nằng, tam bà phộc, phộc nhật-la, hộc

OM_ GAGANA SABHĀVA (? SAMBHAVA) VAJRA HOH

_ Tiếp kết **Xa Lộ Án**

Định Tuệ (2 tay) ngửa chéo nhau

Bên phải đè bên trái

Thiền Trí (2 ngón cái) vịn Tiền Lục (2 ngón trỏ)

Tận dưới vạch thứ nhất



Xoay chuyển đưa, hướng trước

Tưởng thành xe cộ bấu

Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ त्रु त्रु त्रु त्रु त्रु त्रु

Án, đồ lỗ, đồ lỗ, hồng

OM_ TURU TURU HŪM

Ba biến hoặc bảy biến

Vận tưởng đón Bản Tôn

_ Chặng giải bỏ Án trước

Dời đầu ngón Thiền Trí (2 ngón cái) [*hướng về thân*]

Tuỳ tụng, chuyên bên phải
Ba vòng, nên rõ **Nghi**
Buông chia, hướng dưới rũ
Tường lưới che chắn Giới
Ngoài **Tường** (bức tường) đến ở đất
Tất cả chẳng thể xuyên
Quán thành như Kim Cương
Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

Án, vĩ sa-phổ la nại-lạc khát-xoa, phộc chiết-la, bán nhạ la, hồng, phát tra
OM_ VISPHURAD RAKSA VAJRA PAMJARA (? PAMJALA) HŪM
PHAT

_ Tiếp đến **Hoả Viện Án**



Ghép kín ánh lửa sáng
Giáp vòng, lưới vây ngoài
Kiếp Hoả rục rỡ sáng
Như gió nhiều bên phải
Các Ma ác đáng sợ
Tất cả **Thiệt Đồ Lỗ** ('Satru: Oan gia)
Không thể gây náo hại
Hành Nhân trụ chắc, quán
Niệm Chân Ngôn ấy là:

ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ) ॐ (ॐ)

Án (1) a tam mãng nghi-nễ, ha la, hồng, phát tra
OM ASAMĀGINI (?ASAMĀMGNI) HARA HŪM PHAT
Ba biến, hoặc bảy biến
Tưởng kỹ làm gia trì
Trong Quán, lửa sáng rục
Sau đó mới xoay chuyển
Lửa động cháy sáng rục
Khiến Pháp luôn luôn thành (vô bất thành: không có gì chẳng thành)

_ Sau bày **Hiển Át Già** (Ārgha)

Định Tuệ (2 tay) kèm ngựa mở
Địa (ngón út) Thuỷ (ngón vô danh) Hoả (ngón giữa) hợp ngọn
Phong (ngón trỏ) co như **Thương Khư** (Śaṅkha: vô ốc)
Hai Không (2 ngón cái) vịn dưới Phong (ngón trỏ)



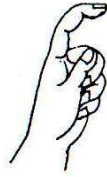
Tiếp đến **Quang Vãng Tôn**

Đồng Tử *Nội Quyển Thuộc*

Ấn Khế nói như sau

Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền

Nâng Phong Luân (ngón trỏ) như câu (móc câu)



Dùng nhiếp các Hàm Thức

Khiến trụ **Địa Giải Thoát** (Vimukti-bhūmi)

Liên nói Chân Ngôn là:

ॐ मः म म न व व ञ क क कु म । म म ऋ न
ॐ क व (ॐ न ॐ क

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) hệ hệ, củ mang la, mang gia nghiệt đa, sa-phộc bà phộc, tất-thể đá, sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE HE KUMARA (?KUMĀRA)
MAYAGATA (?MĀYĀGATA)_ SVABHĀVA STHITA_ SVĀHĀ

Tiếp đến **Địa Tuệ Tràng**

Tiêu xí của *Nội Quyển* (Nội quyển thuộc)

Tay Tam Muội (tay trái) nắm quyền

Rồi duỗi luân Địa (ngón út) Thuỷ (ngón vô danh)

Dựng thẳng như tướng **phương**



Nói Mật Ngôn đó là:

ॐ मः म म न व व ञ क क । कु न क कु ॐ क

Năng mặc tam mạn đa một đà nam (1) hệ, sa-ma la (2) chỉ-hoại năng kế đô (3) sa-phộc hạ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE SMARA JÑĀNA-KETU_
SVĀHĀ

Tiếp đến **Vô Cấu Quang**

Củ Mang La Mật Chủ

Tay Tam Muội (tay trái) như trước

Duỗi tất cả Luân (5 ngón) trên

Thấy đều hơi co lại



Theo Thầy thọ nhận kín

_ Tiếp nên lấy tràng hạt
Cuộn trong lòng bàn tay
Định Tuệ (2 tay) đều Liên Tướng
Ngang miệng, dùng gia trì

Bí Mật Châu Minh là:

ॐ ह्रीं क्लृप्ताय नमः ॐ ह्रीं क्लृप्ताय नमः

Án, tỳ lô tả nãng, ma la, sa-phộc hạ

OM VAIRUCANA MALA (? VAIROCANA-MĀLA) _ SVĀHĀ

Gia trì bảy biến xong
Xoay chuyển, *tam châu dịch* (?dời chuyển tràng hạt ba lần)
Không (ngón cái) Địa (ngón út) đối niệm Châu
Tuỳ tụng, दौर ba vòng
Tụng câu **Bát Tự Minh**
Một ngàn hoặc một vạn
Chữ chữ, hô rõ ràng
Ngồi thẳng, quán kỹ lưỡng
Niệm niệm đừng gián đoạn
Xong số, trụ **Quán Trí**
Kèm **Tam Ma Địa Môn**
Ở ngay trong trắng đầy
Bày chữ làm **Chủng Trí**
Hoặc làm **Đại Nhật Quán**
Tròn sáng cũng như thể
Hết thấy các Công Đức
Cho tất cả chúng sinh
Đều được thành Phật Đạo

_ Lại nói việc sai khác
Ba thời, hoặc bốn thời
Không khiến có thoái chuyển
.) Nếu làm **Tức Tai**, nên
Định **đêm** dùng khởi đầu
.) Nếu cầu **Phước Trí Môn**
Sau đêm nên khởi đầu
.) **Giáng Phục** ngay giờ Ngọ
.) **Ái Kính** lúc muốn ngủ
.) **Câu Triệu** đồng lúc trước

_ Niệm xong **Hoàn Châu Khế**
Cũng đồng Pháp **Tất Địa**
Bản Tôn, số dứt xong
Y trước, niệm **Nội Quyển** (Nội Quyển Thuộc)
Tám Tôn, thứ tự cũ
Tán Thán, dâng hương hoa
Át Già, lại phụng hiến
Phát Nguyện kèm Khuyến Thỉnh

Giải Giới dùng Hoả Viện
Phát Khiển Phụng Tống đầy
Ba Bộ lại Hộ Thân
Mặc Giáp, như trước làm
Diệm Man Đức (Yamāntaka) hộ vệ
Đại Dao chạm gia trì
Lễ bái chúng Hiền Thánh
Tuỳ ý **Kinh Hành** (Caṅkramana), ra

_ Nếu trụ trong rừng núi
Đầu Đà (Dhūta) ở chỗ vắng (khoáng dã)
Nạn vua gặp ngục tù
Việc đột ngột đáng sợ
Bệnh tật, hoạ Quỷ Thần
Đi đêm tối, sợ hãi
Tu Đạo bị Ma quấy
Nhà đấu tranh chẳng hoà
Các Độc muốn đến hại
Như nhiều loại nạn này
Thường trì **Bát Bí Minh**
Trừ hết mọi điều ác
Ăn Khế, môn sai khác
Thọ nhận kín từ Thầy

_ Nếu tại Mạn Trà La (Đạo Trường)
Đối trước Tôn, thứ tự
Nhãn (cau mày), duỗi, động chi tiết
Hít thở, lay động đầu
Tiếng: nôn, nghẹn, phun, than
Nhổ bọt với ho hắng
Như vậy, các nhóm việc
Chế ngự, đừng kiêu mạn
_ Đại Giáo A Xà Lê
Bậc hành sâu Tuệ khéo
Muốn cầu Đại Tất Địa
Cần phải luôn Hộ Ma
Mỗi, đủ **ba lạc xoa** (30 vạn lần)
Một lần, lửa cúng dường
Nếu được ba Tướng hiện
Nóng ấm, khói, ánh sáng
Trong Đạo phát tiếng lớn
Phạm Âm, Sư Tử Hống
Sấm động, tiếng vi diệu
Tiếng chuông, trống, **Nhã Ca** (ca hát hoà nhã)
Mọi loại âm nói Pháp
Hành Nhân được Tất Địa
Hộ Ma như Giáo Pháp
Vi tế hiểu rõ ràng
Chút phần chẳng tương ứng

Mọi ác đều đến tập
Đủ số ba Câu Chi (ba trăm vạn)
Thường được thấy Văn Thù
Tâm thông Môn Giải Thoát
Trí Tuệ chẳng thể lường
Nguyện Thế, Xuất Thế Gian
Mong cầu đều đầy đủ

VĂN THÙ BÁT TỰ NGHI QUỸ (Hết)

Trường Khánh , năm thứ tư, tháng tám, ngày 30_ Viện **Đông Tháp**, chùa **Thanh Long**, Trì Niệm Sa Môn **Nghĩa Vân Pháp Kim Cương** cùng với Trung Thiên Tam Tạng **Bồ Đề Tiên** đồng dịch, vị tăng cầm bút ghi kết Kệ nhuận văn là **Nghĩa Vân** ghi chép. Đối chiếu sửa chữa ghi chép xong

_ Bát Tự Văn Thù Quý, Thập Bát Ấn Khê: hai Bộ hai quyển. Dùng *Điểm Bản* của **Vũ Phũ Linh Vân Khai Sơn TỊNH NGHIÊM** hoà **thượng**, so sánh khảo xét, khắc lên bản gỗ

Thời **Hương Bảo**, năm Nhâm Tý, Quý Đông_ Cốc Hoà Châu Phong Sơn Diệu Âm Luân Hạ Sa Môn **Vô Đẳng** kính ghi

14/06/2011